

TT	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Ngưỡng đảm bảo chất lượng				
			PT1	PT2	PT3	PT4	PT5
1	Điều khiển tàu biển	D101	15	15	18	15	-
2	Khai thác máy tàu biển	D102	15	15	18	15	-
3	Quản lý hàng hải	D129	15	15	18	15	-
4	Điện tử viễn thông	D104	15	15	18	15	-
5	Điện tử động giao thông vận tải	D103	15	15	18	15	-
6	Điện tử động công nghiệp	D105	15	15	18	15	-
7	Tự động hóa hệ thống điện	D121	15	15	18	15	-
8	Máy tàu thủy	D106	15	15	18	15	-
9	Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi	D107	15	15	18	15	-
10	Đóng tàu & công trình ngoài khơi	D108	15	15	18	15	-
11	Máy & tự động hóa xếp dỡ	D109	15	15	18	15	-
12	Kỹ thuật cơ khí	D116	15	15	18	15	-
13	Kỹ thuật cơ điện tử	D117	15	15	18	15	-
14	Kỹ thuật ô tô	D122	15	15	18	15	-
15	Kỹ thuật nhiệt lạnh	D123	15	15	18	15	-

16	Máy & tự động công nghiệp	D128	15	15	18	15	-
17	Xây dựng công trình thủy	D110	15	15	18	15	-
18	Kỹ thuật an toàn hàng hải	D111	15	15	18	15	-
19	Xây dựng dân dụng & công nghiệp	D112	15	15	18	15	-
20	Công trình giao thông & cơ sở hạ tầng	D113	15	15	18	15	-
21	Kiến trúc & nội thất	D127	15	15	18	15	-
22	Quản lý công trình xây dựng	D130	15	15	18	15	-
23	Công nghệ thông tin	D114	15	15	18	15	-
24	Công nghệ phần mềm	D118	15	15	18	15	-
25	Kỹ thuật truyền thông & mạng máy tính	D119	15	15	18	15	-
26	Quản lý kỹ thuật công nghiệp	D131	15	15	18	15	-
27	Kỹ thuật môi trường	D115	15	15	18	15	-
28	Kỹ thuật công nghệ hóa học	D126	15	15	18	15	-
29	Tiếng Anh thương mại	D124	15	15	-	15	-
30	Ngôn ngữ Anh	D125	15	15	-	15	-
31	Kinh tế vận tải biển	D401	15	15	-	15	-
32	Kinh tế vận tải thủy	D410	15	15	-	15	-

33	Logistics & chuỗi cung ứng	D407	15	15	-	15	-
34	Kinh tế ngoại thương	D402	15	15	-	15	-
35	Quản trị kinh doanh	D403	15	15	-	15	-
36	Quản trị tài chính kế toán	D404	15	15	-	15	-
37	Quản trị tài chính ngân hàng	D411	15	15	-	15	-
38	Luật hàng hải	D120	15	15	-	15	-
39	Luật kinh doanh	D132	15	15		15	-
40	Kinh tế vận tải biển (NC)	H401	15	15	-	15	-
41	Kinh tế ngoại thương (NC)	H402	15	15	-	15	-
42	Điện tử động công nghiệp (NC)	H105	15	15	18	15	-
43	Công nghệ thông tin (NC)	H114	15	15	18	15	-
44	Quản lý kinh doanh & Marketing	A403	15	15	-	15	18
45	Kinh tế Hàng hải	A408	15	15	-	15	18
46	Kinh doanh quốc tế & Logistics	A409	15	15	-	15	18
47	Quản lý kinh doanh thương mại điện tử	A404	15	15	-	15	18
48	Điều khiển tàu biển (Chọn)	S101	15	15	18	15	-
49	Khai thác máy tàu biển (Chọn)	S102	15	15	18	15	-

Lưu ý: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm ba môn trong tổ hợp môn xét tuyển, không nhân hệ số, cộng với điểm ưu tiên (nếu có). **Đối với PT4, ngưỡng đảm bảo chất lượng là điểm quy đổi của điểm thi ĐGNL hoặc ĐGTD về thang 30 cộng với điểm ưu tiên (nếu có).**